Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2711.21.90

Mã HS	2711.21.90
Mô tả hàng hóa	Khí dầu mỏ và các loại khí hydrocarbon khác / - Dạng khí: / - - Khí tự nhiên: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 02:24:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27112190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3350
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	73/2025/NĐ-CP	2025-03-31	BT2026!N3350
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q3350
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3350
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3346
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3307
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3307
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3307
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3307
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3307
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3307
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3345
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3345

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3345
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3345
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3345
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3345
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3349
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3349
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3349
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3349
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3349
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3349
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3349
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3313
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3309
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3309
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3309
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3309
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3309
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3309
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3309
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3309
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3309
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3309
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3309
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3309
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3356
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3356

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3356
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3356
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3356
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3356
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3353
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3353
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3353
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3353
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3353
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3353
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3361
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3361
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3361
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3361
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3361
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3361
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3332
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3332
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3332
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3332
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3332
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3332
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3334
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3334
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3334
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3334

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3334
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3334
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3332
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3332
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3332
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3332
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3332
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3332
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3332
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3353
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3353
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3353
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3353
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3353
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3353
RCEP B	2022	2022	0	B!D3353
RCEP B	2023	2023	0	B!E3353
RCEP B	2024	2024	0	B!F3353
RCEP B	2025	2025	0	B!G3353
RCEP B	2026	2026	0	B!H3353
RCEP B	2027	2027	0	B!I3353
RCEP C	2022	2022	0	C!D3353
RCEP C	2023	2023	0	C!E3353
RCEP C	2024	2024	0	C!F3353
RCEP C	2025	2025	0	C!G3353
RCEP C	2026	2026	0	C!H3353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3353
RCEP D	2022	2022	0	D!D3353
RCEP D	2023	2023	0	D!E3353
RCEP D	2024	2024	0	D!F3353
RCEP D	2025	2025	0	D!G3353
RCEP D	2026	2026	0	D!H3353
RCEP D	2027	2027	0	D!I3353
RCEP E	2022	2022	0	E!D3356
RCEP E	2023	2023	0	E!E3356
RCEP E	2024	2024	0	E!F3356
RCEP E	2025	2025	0	E!G3356
RCEP E	2026	2026	0	E!H3356
RCEP E	2027	2027	0	E!I3356
RCEP F	2022	2022	0	F!D3353
RCEP F	2023	2023	0	F!E3353
RCEP F	2024	2024	0	F!F3353
RCEP F	2025	2025	0	F!G3353
RCEP F	2026	2026	0	F!H3353
RCEP F	2027	2027	0	F!I3353
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3093
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3093
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3093
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3093

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2711.21 có 2 dòng thuế; dòng 2711.21.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2711.21.10 Loại sử dụng làm nhiên liệu động cơ(SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Khí tự nhiên dạng khí hoặc hóa lỏng > Khí tự nhiên dạng khí. (Tham chiếu mã HS 6 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2711.21.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2711.21.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3350), căn cứ 73/2025/NĐ-CP.		73/2025/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.